| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TÂN BIÊN**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 05/2023/DS-ST
Ngày: 07-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Kim Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Tám;

2. Ông Nguyễn Phú Hải.

***- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh***, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Út Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Ông Trần Đức L, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 3, khu phố II, thị trấn T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1983; địa chỉ: B08-05 c/c Phú Thạnh, 53 Nguyễn S, phường P, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh – Là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản ủy quyền 12/10/2022). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*2. Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 5, ấp H, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 1A, đường Nguyễn Trọng Ct, khu phố Na, phường HN, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh – Là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản ủy quyền 05/12/2022). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu phố Â, thị trấn T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 12/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Anh L là người làm ăn chung với chị Th từ khoảng năm 2019, khi đến quán cà phê Hoài Khang của chị Th ở ấp Thạnh Nam, xã Thạnh Tây, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh thì anh L có gặp chị H nên anh L và chị H có quen biết nhau nhờ qua mối quan hệ của chị Th.

Vào khoảng trước 18 giờ ngày 01/8/2022 chị H mượn anh L số tiền 500.000.000 đồng. Chị H viết giấy mượn tiền 500.000.000 đồng tại quán cà phê của chị Th. Nhưng lúc này ngân hàng đã đóng cửa mà chị H muốn chuyển tiền mượn vào tài khoản, không nhận tiền mặt nên anh L nhờ chị Th chuyển khoản trực tiếp cho chị H theo số tài khoản mà chị H cung cấp trên giấy mượn tiền gốc là số tài khoản 7388686888688 ngân hàng TMCP MB (Ngân hàng Quân đội) với số tiền 485.000.000 đồng thì chị H đồng ý. Giữa anh L và chị H thỏa thuận thời hạn vay tiền là 06 ngày, lãi suất thỏa thuận miệng là 10%/1 năm, chữ ký và ghi họ tên người mượn trong giấy mượn tiền là do chị H ghi và ký. Khi vay chị H không thế chấp tài sản gì cho anh L.

Đến ngày 06/8/2022, hết thời hạn quy định hạn trả mà chị H không có khả năng trả số tiền 485.000.000 đồng cho anh L nên chị H xin được trả dần, chị H trả cho anh L được 5 lần, mỗi lần 15.000.000 đồng đối với số tiền nợ gốc vào các ngày 07/8/2022, 08/8/2022, 11/8/2022, 12/8/2022 và 15/8/2022. Việc trả tiền, chị H chuyển khoản qua tài khoản của chị Th và nói chị Th đưa lại cho anh L. Số tiền gốc chị H còn nợ anh L là 410.000.000 đồng.

Ngoài số tiền đang khởi kiện thì giữa anh L và chị H không còn nợ bất kỳ khoản tiền nào khác.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, anh L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng, anh L không yêu cầu tính lãi từ ngày 01/8/2022 đến ngày 15/8/2022 đối với số tiền 485.000.000 đồng.

Nay anh L yêu cầu chị H trả số tiền vay gốc còn nợ là 410.000.000 (bốn trăm mười triệu) đồng, đã trừ 75.000.000 đồng vào trong tiền gốc và yêu cầu tính lãi 0,83%/ 1 tháng kể từ ngày 16/8/2022 cho đến khi xét xử vụ án.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện bị đơn ông Trần Quốc T trình bày:*

Chị H quen và bắt đầu làm ăn với chị Th từ năm 2013, chị H cũng đã nhiều lần vay tiền của chị Th để làm ăn, những khoản đó chị H đã trả xong cho chị Th. Vào ngày 01/8/2022, chị H cần tiền làm ăn nên có vay chị Th số tiền 500.000.000 đồng, nhưng thực tế chị Th chỉ chuyển khoản cho chị H 485.000.000 đồng, số tiền 15.000.000 đồng đã trừ vào tiền lãi tháng đầu tiên. Chị H nhận tiền 485.000.000 đồng vào lúc 18 giờ 04 phút ngày 01/8/2022 từ số tài khoản 050018049330 của chị Th. Giữa chị H với chị Th lập giấy mượn tiền vào ngày 01/8/2022 tại nhà chị Th, ký giấy mượn tiền khoảng 05 giờ chiều 01/8/2022, ký trước khi nhận chuyển khoản tiền, không có ai chứng kiến. Khi ký vào Giấy mượn tiền ngày 01/8/2022 chị H có đọc lại nội dung và giấy này chỉ lập thành 01 bản do chị Th giữ, phía người cho vay ký và ghi họ tên là Trần Đức L. Khi vay chị H không thế chấp tài sản gì cho anh L. Các bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 15.000.000 đồng/tháng đối với 500.000.000 đồng. Mặc dù giấy nợ ghi là vay trong thời hạn 06 ngày sẽ trả nhưng hai bên thoả thuận miệng là khi nào có tiền thì mới trả lại nợ gốc. Đối với khoản vay 500.000.000 đồng, chị H đã trả lãi được 05 lần mỗi lần 15.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào các ngày 07/8/2022, 08/8/2022, 11/8/2022, 12/8/2022 và 15/8/2022 vào tài khoản của chị Th số 050018049330 Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín Sacombank tên Nguyễn Thị Th với số tiền là 75.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc 410.000.000 đồng.

Nay anh L yêu cầu chị H trả số tiền vay gốc là 410.000.000 đồng, đã trừ 75.000.000 đồng vào trong tiền gốc 485.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng kể từ ngày 16/8/2022 cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì chị H không đồng ý. Chị H chỉ đồng ý trả cho chị Th số tiền gốc là 410.000.000 đồng và không đồng ý trả lãi, do chị H đang gặp khó khăn không có khả năng trả lãi.

Ngoài số tiền nợ này chị H không còn nợ anh L, chị Th bất kỳ khoản tiền nào.

*** Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Th trình bày:**

Chị có quen biết làm ăn với chị Nguyễn Thị H trước đây. Ngày 01/8/2022, anh Trần Đức L có nhờ chị chuyển khoản 485.000.000 đồng cho chị H vay, vì lúc đó ngân hàng đã đóng cửa mà chị H cần tiền gấp. Chị Th dùng tài khoản số 050018049330 của Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín Sacombank, chuyển trực tiếp cho chị H số tiền 485.000.000 đồng. Sau đó, anh L đã trả tiền mặt lại cho chị Th 485.000.000 đồng.

Vào các ngày 7/8/2022, 8/8/2022, 11/8/2022, 12/8/2022, 15/8/2022 chị H có chuyển khoản cho chị 05 lần mỗi lần 15.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 75.000.000 đồng, mục đích nhờ trả lại nợ gốc cho anh L. Sau đó, chị Th đã đưa tiền mặt lại cho anh L 75.000.000 đồng.

Việc anh L khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị H thì chị Th không ý kiến, chị H nợ anh L thì trả cho anh L. Giữa chị và anh L cũng không nợ nhau bất kỳ khoản tiền nào. Chị H đề nghị trả lại số tiền 410.000.000 đồng cho chị Th thì chị Th không đồng ý vì thực tế chị H không nợ chị Th.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:*

**Về tố tụng:** Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, lập hồ sơ vụ án theo quy định; xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, người tham gia tố tụng; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án; thực hiện đúng thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

**Về nội dung vụ án:** Do có mối quan hệ quen biết làm ăn chung với nhau, chị Th, chị H và anh L; Ngày 01/8/2022 chị H có hỏi mượn số tiền 500.000.000 đồng của anh L, hạn vay 06 ngày, hai bên thỏa thuận lãi suất miệng 15.000.000 đồng/tháng, khi vay không thế chấp tài sản, chị H có ký giấy mượn tiền (BL 46). Chị H đã nhận số tiền 485.000.000 đồng do chị Th chuyển khoản vào số tài khoản ngân hàng MB của chị H là có thật (BL 44). Anh L thừa nhận chị H đã trả được 05 lần tổng cộng 75.000.000 đồng. Nay anh L yêu cầu chị H trả số tiền vay gốc còn nợ là 410.000.000 đồng đã trừ 75.000.000 đồng vào tiền gốc và yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 16/8/2022 đến ngày xét xử vụ án. Ngày 13/3/2023 anh L yêu cầu tính lãi từ ngày 16/8/2022 đến ngày xét xử vụ án là 7 tháng 20 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng nhưng chỉ yêu cầu tính tròn 07 tháng. Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L đối với chị Nguyễn Thị H.

Từ phân tích trên căn cứ Điều 463, 466, 468 BLDS năm 2015; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Đức L đối với chị Nguyễn Thị H về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản": Buộc chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho anh Trần Đức L số tiền 410.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 16/8/2022, đến ngày xét xử vụ án. Ghi nhận anh L chỉ yêu cầu chị H trả lãi tròn 7 tháng.

Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:** Anh Trần Đức L khởi kiện chị Nguyễn Thị H, cư trú tại tổ 5, ấp Tân Hòa, xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh yêu cầu trả số tiền đã vay và yêu cầu tính tiền lãi. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên.

**[2] Về tố tụng:** Ngày 20/3/2023 anh Trần Đức L, đại diện theo ủy quyền của anh L là anh Nguyễn Văn N, ngày 16/3/2023 đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị H là anh Trần Quốc T và ngày 08/3/2023 chị Nguyễn Thị Th, các đương sự có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L, anh Nam, anh Tuấn và chị Th.

**[3] Về nội dung vụ án:** Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 01/8/2022 thể hiện chị Nguyễn Thị H có mượn của anh Trần Đức L số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn mượn 06 ngày, hai bên không thoả thuận lãi suất. Hết thời hạn trên anh L yêu cầu chị H phải trả lại số tiền đã mượn, ban đầu anh L khởi kiện yêu cầu chị H phải trả cho anh L 500.000.000 đồng, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 20/12/2022, anh Trần Đức L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 90.000.000 đồng, anh L chỉ yêu cầu chị H trả lại cho anh L 410.000.000 đồng vì thực tế số tiền chuyển khoản cho chị H có 485.000.000 đồng, chị H đã trả được 75.000.000 đồng nợ gốc. Đây là ý chí tự nguyện của anh L nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Xét thực tế, sau khi hai bên ký Giấy mượn tiền, anh L có nhờ chị Th chuyển khoản cho chị H 485.000.000 đồng, việc chị Th chuyển cho chị H số tiền 485.000.000 đồng cho chị H các bên đều thừa nhận. Vì vậy, căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì anh L khởi kiện yêu cầu chị H phải trả lại số tiền chị H đã mượn là có căn cứ. Ngoài ra, tại Giấy mượn tiền ngày 01/8/2022 thể hiện thời hạn vay là 06 ngày tính từ ngày 01/8/2022 đến ngày 07/8/2022 thì hết thời hạn trả nợ, bắt đầu từ ngày 07/8/2022 anh L có quyền yêu cầu chị H phải thanh toán tiền lãi chậm trả. Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng anh L chỉ yêu cầu tính lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 16/8/2022 cho đến khi xét xử đây là sự tự nguyện của anh L và phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

Đối với ý kiến của chị H, chị H không thừa nhận có vay tiền anh L mà chỉ thừa nhận có mượn của chị Th số tiền 500.000.000 đồng (thực tế chị nhận 485.000.000 đồng) thông qua việc chị Th chuyển khoản cho chị H. Tuy nhiên, chị H lại không giải thích được vì sao giữa chị H với anh L lại có giấy mượn tiền đề ngày 01/8/2022. Việc chị Th thừa nhận có nhận lời của anh L chuyển khoản cho chị H, lời khai này của chị Th trùng khớp với lời khai của anh L, chị Th với chị H không có bất kỳ quan hệ vay mượn nào vào ngày 01/8/2022. Căn cứ vào những chứng cứ trên, việc chị H cho rằng chị mượn tiền của chị Th mà không mượn tiền của anh L và không đồng ý trả lại tiền gốc kèm tiền lãi chậm thanh toán cho anh L là không có cơ sở xem xét chấp nhận.

Từ nội dung trên, căn cứ Điều 463 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, có căn cứ giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn: Buộc chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho anh Trần Đức L số nợ gốc 410.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 16/8/2022 đến ngày 07/4/2023 là 07 tháng 20 ngày nhưng anh L yêu cầu tính lãi tròn cho chị H là 07 tháng (bản tự khai anh L ngày 13/3/2023): (410.000.000 đồng x 0,83%) x 07 tháng, tổng cộng 23.821.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm dân sự: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật; anh L, chị Th không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 147, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Đức L đối với chị Nguyễn Thị H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho anh Trần Đức L số tiền nợ gốc 410.000.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán 23.821.000 đồng, tổng cộng số tiền chị H phải trả là 433.821.000 (bốn trăm ba mươi ba triệu tám trăm hai mươi mốt nghìn) đồng.

Kể từ ngày (sau ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**2.** Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Đức L về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị H số tiền 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng.

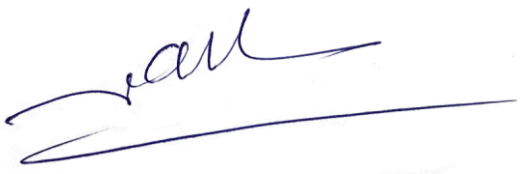
**3.** Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 21.352.800 (hai mươi mốt triệu ba trăm năm mươi hai nghìn tám trăm) đồng. Anh Trần Đức L, chị Nguyễn Thị Th không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho anh Trần Đức L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.000.000 (mười hai triệu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh số 0004060, ngày 17/10/2022.

**4.** Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

**5.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án (V9).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



**Trần Thị Kim Vân**